

thuận tiện cho các đơn vị kinh tế cơ sở. Tổng cục Thống kê cùng với Tổng cục Bưu điện và Bộ Tài chính quy định cụ thể cách thanh toán các cước phí bưu điện trong công tác báo cáo thống kê. Đối với các đơn vị kinh tế tập thể, cước phí này do ngân sách Nhà nước chịu.

T.M. Hội đồng Chính phủ
K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng
NGUYỄN DUY TRINH

CÁC BỘ

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

QUYẾT ĐỊNH số 359-QĐ ngày 27-1-1976
ban hành bản Điều lệ vận chuyên
hành khách bằng tàu biển chạy
trong nước.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ quyết định của Hội đồng Chính phủ số 158-CP ngày 4-7-1974 quy định tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ bản quy định nhiệm vụ và trách nhiệm của các Bộ trong lĩnh vực quản lý kinh tế ban hành kèm theo quyết định số 172-CP ngày 1-11-1973 của Hội đồng Chính phủ;

Xét yêu cầu tăng cường quản lý công tác vận chuyển hành khách của ngành đường biển;

Để đảm bảo việc đi lại của nhân dân được thuận tiện và an toàn và để nâng cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần phục vụ hành khách đi tàu biển;

Theo đề nghị của ông Cục trưởng Cục đường biển và ông chánh Văn phòng Bộ Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành bản Điều lệ vận chuyên hành khách bằng tàu biển chạy trong nước kèm theo quyết định này để áp dụng trong ngành đường biển.

Điều 2. — Bản điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký và chỉ áp dụng cho các tàu chuyên dụng chuyên chở hành khách bằng đường biển chạy trong nước.

Điều 3. — Ông Chánh Văn phòng Bộ, ông Trưởng Ban vận tải, ông Cục trưởng Cục đường biển, ông Trưởng Ty đăng kiểm chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 27 tháng 1 năm 1976

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
DUYỆT

ĐIỀU LỆ

vận chuyên hành khách bằng tàu biển
chạy trong nước.

(ban hành kèm theo quyết định số 359-QĐ ngày 27-1-1976 của Bộ Giao thông vận tải).

Phần I

TỔ CHỨC PHỤC VỤ HÀNH KHÁCH

Điều 1. — Điều lệ vận chuyên hành khách bằng tàu biển chạy trong nước nhằm mục đích:

a) Bảo vệ an toàn tính mạng của hành khách và bảo vệ an toàn tài sản của Nhà nước.

b) Tăng cường trách nhiệm phục vụ hành khách của bên vận tải và trách nhiệm của hành khách đi trên tàu.

Điều 2. — Điều lệ này chỉ áp dụng cho các tàu biển chuyên dùng vận chuyên hành khách chạy trong nước, không áp dụng cho các tàu sông vận chuyên hành khách có kết hợp chạy ven biển.

Điều 3.— Tàu phải có đầy đủ trang thiết bị an toàn được cơ quan đăng kiểm xác định và cấp giấy phép. Cán bộ, công nhân viên làm việc trên tàu phải có đầy đủ bằng cấp và giấy chứng nhận nghề nghiệp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 4.— Thời gian vận chuyển hành khách bao gồm thời gian hành khách ở trên tàu, lên xuống tàu và thời gian vận chuyển hành khách từ bờ ra tàu và ngược lại.

Điều 5.— Lịch chạy tàu phải được công bố tại bến cảng đi và đến. Lệnh đặc biệt tạm đình chỉ nhận vận chuyển hành lý hoặc hành khách phải do ông Cục trưởng đường biển ban hành sau khi báo cáo được Bộ cho phép và phải được công bố kịp thời tại bến cảng đi và đến.

Điều 6.— Bên vận tải có trách nhiệm :

a) Bảo đảm an toàn suốt thời gian hành trình của hành khách, sắp xếp chỗ ăn, ở và phục vụ ăn uống cho hành khách khi đi tàu với thái độ hòa nhã, tôn trọng hành khách ;

b) Tổ chức bảo quản, vận chuyển hành lý của hành khách từ khi nhận đến lúc giao xong hành lý cho hành khách ;

c) Tổ chức kiểm soát người lên tàu và về hành khách trên tàu.

d) Kiểm tra, hướng dẫn hành khách thi hành nội quy của tàu và biết sử dụng phao cứu sinh, đồ dùng trong tàu.

Điều 7.— Vé tàu chia làm ba loại : loại 1, loại 2, loại 3 và vé giường nằm. Mẫu vé tàu do ông Cục trưởng Cục đường biển quy định.

Vé tàu phải ghi rõ tên hành khách, tên tàu, bến cảng đi, cảng đến, ngày giờ tàu chạy, giá tiền, hạng vé, số ghế ngồi, số giường nằm.

Hành khách phải xác định vé mình cầm có phù hợp với hành trình, hạng vé, tên tàu mà mình đi không.

Điều 8.— Ngày giờ bán vé và luồng chạy của mỗi chuyến tàu phải được niêm yết tại cửa bán vé và nơi hành khách chờ đợi.

Điều 9.— Hành khách là thương binh, phụ nữ có con nhỏ, có thai, các giáo viên công tác ở miền núi, ở hải đảo được ưu tiên mua vé trước.

Điều 10.— Thương binh đi tàu mua vé ghế ngồi được giảm giá vé như sau :

— Thương binh loại 8, loại 7, loại 6 đi công việc riêng được giảm 50% tiền vé. Người đi theo phục vụ thương binh và phương tiện dùng để đi lại của thương binh cũng được giảm 50% tiền vé.

— Thương binh loại 5, loại 4, loại 3, loại 2, loại 1 đi việc riêng được giảm 30% tiền vé.

Điều 11.— Không nhận vận chuyển những người sau đây :

a) Những người có hành vi đe dọa tính mạng và tài sản chung của hành khách, của tàu ;

b) Những người đang mắc bệnh truyền nhiễm, điên, say rượu ;

c) Những trẻ em từ 10 tuổi trở xuống không có người lớn đi kèm.

Điều 12.— Trường hợp có những biến cố bất thường không bảo đảm an toàn hành trình cho tàu và hành khách, được ông Cục trưởng đường biển cho phép thì bên vận tải có quyền từ chối vận chuyển và giải quyết trả lại tiền vé như sau :

a) Trường hợp đình vận chuyển trước khi tàu chạy, bên vận tải hoàn lại hành khách toàn bộ tiền vé và tiền cước hành lý.

b) Trường hợp giữa đường không tiếp tục vận chuyển được nữa thì tàu có nhiệm vụ tìm cách đưa hành khách về cảng đến. Nếu hành khách thỏa thuận trở về cảng đi thì tàu hoàn lại hành khách số tiền vé và tiền cước hành lý tương ứng với đoạn đường mà hành khách chưa đi và không thu cước lượt trở về cảng đi.

Điều 13.— Tàu có nhiệm vụ phục vụ ăn uống cho hành khách suốt thời gian hành khách ở trên tàu. Nếu hành trình bị kéo dài do lỗi của tàu thì tàu không được lấy tiền ăn của hành

khách. Nếu hành trình kéo dài do thiên tai, địch họa... thì hành khách phải trả tiền ăn cho tàu.

Điều 14.— Tại mỗi bến cảng phải có nhà chờ đợi cho hành khách, tổ chức bán vé hành khách, hành lý, thường xuyên phổ biến điều lệ này, nội quy mua vé, thẻ thức nhận và gửi hành lý.

Điều 15.— Trước khi hành khách lên tàu, trưởng bến cảng lập danh sách hành khách và giao cho thuyền trưởng tàu, phổ biến nội quy đi tàu, thông báo cho hành khách biết số ghế ngồi, số buồng, số giường nằm, số ghi trên phao cứu sinh của từng hành khách.

Điều 16.— a) Trong hành trình tàu chạy, có hành khách chết hoặc bị mất tích, thuyền trưởng phải ghi vào nhật ký hàng hải, lập biên bản có hai hành khách làm chứng và bác sĩ của tàu ký tên.

Thuyền trưởng giao biên bản người chết cho chính quyền địa phương tại nơi đưa người chết lên bờ. Biên bản người mất tích thì giao cho chính quyền địa phương tại bến cảng mà người mất tích đi và định lên, đồng thời thông báo cho gia đình hoặc cơ quan người chết và người bị mất tích.

b) Hành khách chết đưa lên bờ, thuyền trưởng phải cử nhân viên của tàu ở lại liên hệ với địa phương lo chu đáo việc mai táng — Mọi kinh phí mai táng, cơ quan quản lý tàu được đòi lại thân nhân người chết hoặc cơ quan có người chết.

Điều 17.— Trường hợp có người dể trên tàu, thuyền trưởng phải lập biên bản có hai hành khách làm chứng và bác sĩ của tàu ký tên — Biên bản này giao cho sản phụ ngay khi sản phụ rời khỏi tàu.

Điều 18.— Trên tàu phải có người chuyên trách về y tế để chăm lo sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên và hành khách đi tàu. Hành khách khi ốm đau được cấp thuốc phải trả tiền.

Phần II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HÀNH KHÁCH ĐI TÀU

Điều 19.— Hành khách đi tàu :

a) Phải mua vé. Vé có ghi tên họ của hành khách không được tự ý chuyển nhượng lại cho người khác. Hành khách phải mua vé ăn cùng lúc với mua vé đi tàu. Trên tàu không nhận trả lại vé ăn của hành khách.

b) Phải triệt để tuân theo lệnh chỉ huy của thuyền trưởng trong mọi trường hợp bảo đảm an toàn chạy tàu và mọi sự chỉ dẫn cần thiết của cán bộ thuyền viên trên tàu.

c) Phải triệt để tuân theo nội quy sinh hoạt, nội quy an toàn, nội quy phòng chống cháy trên tàu, giữ gìn vệ sinh chung trên tàu và ở bến cảng.

d) Tôn trọng, bảo vệ mọi tài sản trên tàu, tích cực phát hiện những hành động gây thiệt hại tài sản của tàu. Tiết kiệm nước ngọt trên tàu. Người nào làm hư hỏng mất mát tài sản của tàu thì phải đền cho tàu.

e) Trước khi rời khỏi tàu, phải giao lại cho tàu đầy đủ những vật dụng tàu trang bị cho mình, kể cả vật dụng trong phòng mình và phải bồi thường xong cho tàu các khoản do mình gây ra mất mát, hư hỏng tài sản của tàu, nếu có.

Điều 20.— a) Hành khách đi tàu có quyền đem theo 1 (một) trẻ em từ 5 (năm) tuổi trở xuống không phải trả tiền vé, nhưng trẻ em đó không được chiếm riêng một ghế ngồi hoặc một giường nằm.

b) Trẻ em trên 5 (năm) tuổi đến 10 tuổi phải mua vé trẻ em. Giá vé trẻ em bằng nửa tiền vé người lớn.

c) Trẻ em trên 10 tuổi trở lên phải mua vé như người lớn.

Điều 21.— Hành khách đã mua vé rồi nhưng không đi nữa và trả lại vé thì :

a) Trả lại vé trước khi hết thời hạn bán vé quy định cho chuyển tàu đó. Bên vận tải trả lại hành khách toàn bộ tiền vé đã mua.

b) Nếu trả lại vé sau thời gian quy định hết hạn bán vé, nhưng không chậm quá 6 (sáu) tiếng đồng hồ trước giờ tàu chạy, thì bên vận tải chỉ trả lại hành khách 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tiền vé đã mua.

c) Vì ốm đau hoặc tai nạn bất thường, hành khách đến trễ giờ, tàu đã rời bến, nếu có giấy tờ chứng minh rõ ràng về lý do nhờ tàu và có báo cho bên vận tải biết trong phạm vi 5 (năm) tiếng đồng hồ sau khi tàu rời bến thì bên vận tải ưu tiên sắp xếp cho hành khách đi chuyển tàu sau. Nếu hành khách yêu cầu trả lại tiền vé thì bên vận tải chỉ trả lại 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tiền vé đã mua.

Điều 22.— Tàu đang trên đường đi, hành khách vì ốm đau, đẻ hoặc bị tai nạn bất thường, có bác sĩ của tàu chứng nhận cần phải xuống cảng dọc đường, thì bên vận tải trả lại hành khách tiền vé của đoạn đường chưa đi.

Điều 23.— Hành khách đã mua vé rồi nhưng trước khi tàu chạy hoặc trên đường tàu đang chạy, hành khách có những hành động gây rối loạn, đe dọa đến tính mạng, tài sản chung của hành khách khác và của tàu thì bên vận tải có quyền:

— Trước khi tàu chạy, không nhận cho đi tàu;

— Tàu đang chạy giữa đường thì buộc hành khách phải xuống cảng dọc đường.

Cả hai trường hợp trên, tàu không trả lại hành khách tiền vé đã mua.

Điều 24.— a) Hành khách đi tàu không có vé hoặc vé không hợp lệ thì phải trả gấp đôi tiền vé tính từ bến xuất phát của tàu đến bến cuối cùng của hành khách.

b) Hành khách đi quá bến cảng ghi trên vé phải trả tiền vé đoạn đường đã đi qua.

c) Hành khách đi tàu khai mất vé, nếu tàu xác nhận là đúng thì giải quyết cho hành khách

đi tàu mà không phải mua vé mới. Nếu không xác minh được thì hành khách phải mua vé mới. Sau khi hành khách tìm được vé đã mất thì tàu phải hoàn lại toàn bộ tiền vé mà hành khách đã mua vé mới.

Điều 25.— Hành khách có nhiệm vụ xuất trình vé khi nhân viên kiểm soát trên tàu kiểm tra vé.

Điều 26.— Hành khách đi tàu không được mang theo vũ khí (trừ bộ đội, cán bộ được phép mang súng), chất nổ, chất dễ cháy, các chất ăn mòn, nguy hiểm khác, và những hàng hóa mà Nhà nước cấm lưu thông.

Điều 27.— Hành khách không được mang theo vào phòng ngủ những vật phẩm có mùi hôi hám và các gia cầm, gia súc sống.

Điều 28.— Hành khách được mang theo người 30 kilôgam (ba mươi) vật phẩm, trẻ em có vé được mang theo người 15 kilôgam (mười lăm) không phải trả tiền cước. Hành khách phải tự bảo quản lấy vật phẩm mang theo mình

Phần III

VẬN CHUYỂN HÀNH LÝ

Điều 29.— Ngoài vật phẩm mang theo người hành khách được quyền gửi tàu xe đạp, máy, ô-tô và những hành lý khác theo cước phí của tàu. Xe máy, ô-tô gửi tàu phải tháo hết xăng. Hành lý phải được bao bọc chắc chắn, mỗi kiện hành lý không được nhẹ dưới 5 (năm) kilôgam và không được nặng quá 50 kilôgam (năm chục).

Điều 30.— Hành khách gửi hành lý phải theo những quy định sau đây:

a) Phải mua vé hành lý;

b) Không gửi hành lý chậm quá 6 tiếng đồng hồ trước khi tàu chạy;

c) Kê khai giá trị hoặc gửi không kê khai giá trị. Trường hợp giá trị kê khai không phù hợp với giá trị điều tra thực tế của bên vận tải, mà hành khách yêu cầu vận chuyển thì hành khách phải theo giá xác nhận của bên vận tải hoặc gửi theo lối không kê khai giá trị;

d) Trên kiện hành lý gửi, hành khách phải dán chắc nhãn có ghi rõ tên mình, số vé hành lý đã mua và nơi cảng đến;

e) Những điều ở điểm c và d trên đây phải được bên vận tải ghi rõ ràng trong vé cước hành lý.

Điều 31. — Hành khách phải chịu trách nhiệm mọi hậu quả xảy ra do hành khách không kê khai đúng loại hàng gửi. Trường hợp hành khách vi phạm được phát hiện ngay trong lúc hành lý còn ở trên bờ thì bên vận tải có quyền không nhận vận chuyển.

Nếu phát hiện ở dọc đường tàu chạy thì hành khách phải chịu phạt số tiền gấp 5 (năm) lần tiền cước hành lý. Tàu có quyền dỡ những hành lý này lên bờ và người có hành lý này phải chịu mọi phí tổn.

Điều 32. — Hành lý gửi phải được vận chuyển cùng với chuyến tàu của người gửi. Việc xếp dỡ hành lý do tàu đảm nhiệm. Cước xếp dỡ hành lý tính vào giá cước hành lý.

Điều 33. — Hành khách có quyền yêu cầu bên vận tải trả lại hành lý của mình tại bến cảng đi hoặc cảng dọc đường nhưng không được làm chậm trễ hành trình của tàu và hành khách phải tuân theo những điều quy định sau đây :

a) Trường hợp hành lý còn trên bờ thì bên vận tải chỉ trả lại 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tiền cước đã thu ;

b) Trường hợp hành lý đã được đưa lên tàu thì bên vận tải không phải trả lại tiền cước đã thu ;

c) Trường hợp lấy hành lý ở cảng dọc đường thì bên vận tải không phải trả lại tiền cước của đoạn đường hành lý chưa được vận chuyển ;

d) Hành khách có hành lý phải lấy toàn bộ số hành lý đã gửi, không được lấy một phần.

Điều 34. — Tàu chỉ giao trả hành lý cho người có vé hành lý.

Điều 35. — Vật phẩm và hành lý của hành khách đánh rơi, bỏ quên, hoặc không có người nhận, bên vận tải giao cho bến cảng cuối cùng. Bến cảng cuối cùng có trách nhiệm nhận và giao cho cơ quan chức trách chính quyền địa phương, đồng thời niêm yết tại bến cảng cho hành khách biết.

Điều 36. — a) Trường hợp do lỗi của bên vận tải gây ra mất mát, hư hỏng hành lý của hành khách thì bên vận tải phải bồi thường cho hành khách như sau :

— Mất mát hư hỏng một phần thì bồi thường một phần, mất mát, hư hỏng toàn bộ thì bồi thường toàn bộ ;

— Đối với hành lý gửi có kê khai giá trị thì bên vận tải bồi thường theo giá trị hàng hóa đã khai ;

— Đối với hành lý gửi không kê khai giá trị thì bên vận tải bồi thường theo giá bán của mẫu dịch tại cảng đến. Nếu hàng không có giá của Nhà nước thì theo giá thông thường của cảng đến ;

— Ngoài tiền bồi thường, bên vận tải còn phải hoàn lại tiền cước, tiền thuế (nếu có)

— Hàng hóa bị hư hỏng, mất mát bên vận tải bồi thường bằng tiền mặt.

b) Thời hạn bồi thường hàng hóa bị mất mát hoặc hư hỏng cho hành khách không được chậm quá 20 (hai mươi) ngày sau khi hành khách rời khỏi tàu.

Điều 37. — Mọi trường hợp xảy ra ở điều 31 và điều 36 trên đây, nếu bên vận tải và hành khách không tự giải quyết được thì đề nghị Cục đường biển dàn xếp. Nếu không thỏa mãn thì yêu cầu tòa án nhân dân xét xử.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
DƯƠNG BẠCH LIÊN